

UNIT 7: RECIPES AND EATING HABITS - ALOCER LOOK 1



whisk

/wɪsk/
(v)
đánh trứng



grate

/ɡreɪt/
(v)
nạo



chop

/tʃɒp/
(v)
chặt, bổ, chẻ



sprinkle

/ˈsprɪŋkl/
(v)
rắc



slice

/slaɪs/
(v)
thái lát



dip

/dɪp/
(v)
nhúng



spread

/spreɪd/
(v)
phết



marinate

/ˈmæɪrɪneɪt/
(v)
ướp



stir-fry

/ˈstɑːˈfraɪ/
(v)
xào



deep-fry

/ˈdiːpˈfraɪ/
(v)
chiên



roast

/rəʊst/
(v)
nướng (thịt) bằng lò vi sóng, quay, rang (hạt)



grill

/ɡrɪl/
(v)
nướng bằng than trên vỉ nướng



bake

/beɪk/
(v)
nướng bánh mì, bánh ngọt



steam

/stiːm/
(v)
hấp bằng hơi